

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ
Về quản lý, sử dụng các khoản thu năm học 2025–2026
của Trường Mầm non Hoa Mai

(Ban hành kèm theo Quyết định số **531**/QĐ-MNHN ngày **6** tháng **10** năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Mầm non Hoa Mai) ”.

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Căn cứ ban hành

Quy chế này được xây dựng dựa trên:

Nghị Quyết 18/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tp Hồ Chí Minh ngày 24/7/2025 quy định các khoản thu và mức thu các dịch vụ phục vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh năm học 2025-2026;

Căn cứ công văn 1888/SGDĐT-KHTC ngày 29/8/2026 về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm, hỗ trợ học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2025-2026 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 640/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025 - 2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Kế hoạch số 388/ KH- MNHM ngày 3/9/2025 của trường mầm non Hoa Mai về Kế hoạch dự toán các khoản thu – chi năm học 2025–2026 và các phụ lục kèm theo;

Kế hoạch số 531/ KH- MNHM ngày 3/10/2025 của trường mầm non Hoa Mai về Kế hoạch điều chỉnh dự toán các khoản thu – chi năm học 2025–2026 và các phụ lục kèm theo;

Căn cứ biên bản họp thống nhất các khoản dự toán thu chi năm học 2025-2026 của tập thể sư phạm nhà trường ngày 15/9/2025

Điều 2. Nguyên tắc chi tiêu

1. Đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ.

2. Chi đúng mục đích, đúng quy định, tiết kiệm và hiệu quả.
3. Có chứng từ hợp lệ, hợp pháp.
4. Thực hiện công khai tài chính theo Thông tư 09/2024TT-BGDĐT.

Chương II: QUY ĐỊNH CỤ THỂ

(Căn cứ Phụ lục kèm theo)

Điều 3. Chi dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú

1. Mức thu: 276.000 đồng/trẻ/tháng đối với tháng 9/2025

Nội dung chi:

* Mức chi: 207.000đ/ tháng/ trẻ áp dụng tháng 9/2025)

- Thuế TNDN: 2% – thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định
- 2% cơ sở vật chất (sửa chữa cơ sở vật chất trong năm học)
- 15% Chi mua sắm, mua sắm các đồ dùng, vật dụng phục vụ vệ sinh bán trú: Cây lau nhà, bông lau, chổi, đĩa, búi nhùi rửa xong nồi chén đĩa, dao, xô, đồ lót nồi, các loại chất tẩy rửa, diệt côn trùng.....
- 81% để chi trả tiền công cho cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia công tác tổ chức bán trú cho trẻ

Trong đó:

- + 87% Chi BGH, giáo viên, kế toán, y tế kiêm thủ quỹ mức chi bằng nhau
- + 1% chi cho công tác văn thư
- + 1 % chi cho bộ phận phục vụ
- + 3% chi : Bảo vệ (3 người)
- + 8% chi cho tổng số Cấp dưỡng

* Mức chi: 69.000đ/ trẻ/ tháng (áp dụng tháng 9/2025)

- 2% thuế TNDN
- 2% cơ sở vật chất (sửa chữa cơ sở vật chất trong năm học)
- 96% chi mua vệ sinh phí và mua gas phục vụ công tác bán trú

2. Mức thu: 207.000đồng/trẻ/tháng từ tháng 10/2025 đến tháng 5/2026

4. Nội dung chi:

- Thuế TNDN: 2% – thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định
- 2% cơ sở vật chất (sửa chữa cơ sở vật chất trong năm học)
- 15% chi mua vật dụng, vệ sinh : Chi mua sắm, vệ sinh bán trú mua xà phòng, hóa chất vệ sinh, giấy vệ sinh, kem đánh răng...cho các lớp, nhà bếp, bộ phận phục vụ.
- 81% để chi trả tiền công cho cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia công tác tổ chức bán trú cho trẻ

Trong đó:

- + 87% Chi BGH, giáo viên, kế toán, y tế kiêm thủ quỹ mức chi bằng nhau
- + 1% chi cho công tác văn thư
- + 1 % chi cho bộ phận phục vụ
- + 3% chi : Bảo vệ (3 người)
- + 8% chi cho tổng số Cấp dưỡng

* Lưu ý khi chi:

- Các khoản chi phải có danh sách phân công, bảng chấm công hoặc chứng từ hợp lệ kèm theo.(nếu có)

- Việc chi tiền công cho cán bộ, giáo viên, nhân viên phải căn cứ vào số lượng trẻ thực tế và thời gian thực hiện trong tháng.

- Việc chi mua sắm vật tư, hóa chất phải có hóa đơn, chứng từ tài chính hợp pháp, thanh toán qua kế toán.

- Không sử dụng nguồn thu này cho các khoản chi ngoài mục đích đã được quy định trong Quy chế.

- Mọi khoản chi phải được công khai định kỳ trong hội nghị cán bộ – viên chức và với Ban đại diện cha mẹ trẻ.

Điều 4. Chi dịch vụ ăn sáng

1. Mức thu: 172.000 đồng/trẻ/tháng từ tháng 9/2025 đến tháng 5/2026

2. Nội dung chi: chi trả tiền công cho giáo viên, cấp dưỡng trực tiếp tham gia phục vụ ăn sáng cho trẻ, đảm bảo bữa ăn đúng giờ, đủ dinh dưỡng, an toàn.

- Thuế TNDN và các khoản nghĩa vụ khác: 2% thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

- 2% cơ sở vật chất (sửa chữa cơ sở vật chất trong năm học)

- 96% chi cho tổng số CBGVVN

+ 68% Chi BGH, giáo viên, kế toán, y tế kiêm thủ quỹ mức chi bằng nhau

+ 1% chi cho công tác văn thư

+ 1 % chi cho bộ phận phục vụ

+ 3% chi : Bảo vệ (3 người)

+ 27% chi cho tổng số Cấp dưỡng

* Lưu ý khi chi:

- Các khoản chi phải có danh sách phân công, bảng chấm công hoặc chứng từ hợp lệ kèm theo.

- Việc chi tiền công cho cán bộ, giáo viên, nhân viên phải căn cứ vào số lượng trẻ thực tế và thời gian thực hiện trong tháng.

- Việc chi sửa chữa cơ sở vật chất phải có hóa đơn, chứng từ tài chính hợp pháp, thanh toán qua kế toán.

- Không sử dụng nguồn thu này cho các khoản chi ngoài mục đích đã được quy định trong Quy chế.

- Mọi khoản chi phải được công khai định kỳ trong hội nghị cán bộ – viên chức và với Ban đại diện cha mẹ trẻ.

Điều 5. Chi dịch vụ giữ trẻ ngoài giờ (nếu có)

1. Mức thu: không thực hiện

- Giữ trước/sau giờ học: 11.000 đồng/trẻ/giờ.

- Giữ ngày nghỉ: 120.000 đồng/trẻ/ngày.

2. Nội dung chi: Chi công cho giáo viên trực tiếp tham gia trông giữ trẻ trước/sau giờ học, ngày nghỉ, đảm bảo an toàn và nề nếp sinh hoạt cho trẻ.

- Chi hỗ trợ cho nhân viên phục vụ, bảo vệ khi có tham gia phối hợp giữ trẻ.

- Chi công tác quản lý cho Ban giám hiệu, kế toán, đảm bảo tổ chức, giám sát, theo dõi thu – chi đúng quy định.

Điều 6. Chi khám sức khỏe học sinh ban đầu (nếu có): không thực hiện

1. Mức thu: 50.000 đồng/trẻ/năm.

2. Nội dung chi:

- Chi khám sức khỏe tổng quát ban đầu cho trẻ khi vào năm học (khám thể chất, chiều cao, cân nặng, mắt, tai – mũi – họng...) khám nha học đường cho trẻ.

- Phân bổ chi (trên tổng mức thu 50.000 đồng/trẻ/năm):

- Hợp đồng với cơ sở y tế, bác sĩ khám sức khỏe, nha học đường: 100% đảm bảo chi phí khám trực tiếp cho trẻ.

* Lưu ý khi chi:

- Nhà trường phải ký hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với cơ sở y tế được cấp phép, có hóa đơn, chứng từ hợp lệ.

- Phải có danh sách trẻ được khám và biên bản nghiệm thu kết quả khám.

- Việc nhập dữ liệu, lưu trữ hồ sơ sức khỏe phải có biên bản xác nhận khối lượng công việc để chi công cho người thực hiện.

- Không sử dụng nguồn thu này cho các mục đích khác ngoài công tác khám sức khỏe cho trẻ.

- Kế toán theo dõi riêng khoản thu – chi, công khai định kỳ với tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và Ban đại diện cha mẹ trẻ.

Điều 7. Các khoản chi khác

Mục 1. Chi cho chương trình ngoại ngữ, năng khiếu

Nhà trường phối hợp với trung tâm ngoại ngữ (trung tâm có giấy phép hoạt động, hồ sơ pháp lý hợp pháp đầy đủ theo quy định).

Trong đó:

Trung tâm chịu trách nhiệm tổ chức dạy học, giáo viên, chương trình, chất lượng

Nhà trường phối hợp quản lý và thu hộ tiền học phí cho trung tâm, sau đó nhà trường xuất hóa đơn trẻ đăng ký học trong tháng

Trích nộp: 2% thuế TNDN, 3% cơ sở vật chất (chi sửa chữa, nâng cấp, bổ sung trang thiết bị, cơ sở vật chất). 95% chuyển trung tâm theo hóa đơn trung tâm xuất cho trường.

1 Mức thu như sau;

- Ngoại ngữ (Làm quen Tiếng Anh): 260.000 đồng/trẻ/tháng (Phụ huynh đăng ký tự nguyện theo nhu cầu).

- Năng khiếu (Thể dục nhịp điệu (Aerobic)): 110.000 đồng/trẻ/tháng (Phụ huynh đăng ký tự nguyện theo nhu cầu).

Nhà trường phối hợp quản lý và thu hộ tiền học phí cho trung tâm, sau đó nhà trường xuất hóa đơn trẻ đăng ký học trong tháng

Trích nộp: 2% thuế TNDN, 3% cơ sở vật chất (chi sửa chữa, nâng cấp, bổ sung trang thiết bị, cơ sở vật chất) 95% chuyển trung tâm theo hóa đơn trung tâm xuất cho trường

* Lưu ý:

Cha mẹ trẻ đăng ký tự nguyện, có danh sách đăng ký cho con học.

Có hợp đồng/hóa đơn với giáo viên hoặc đơn vị cung cấp dịch vụ.

Công khai mức thu – chi với cha mẹ trẻ có con tham gia.

Mục 2. Chi mua sắm vật dụng cá nhân cho trẻ:

Nhà trường thu tiền từ phụ huynh để mua khăn, yếm, bàn chải đánh răng cho trẻ, nhà trường làm trung gian mua hộ cho trẻ nên khoản thu này nhà trường thu hộ - chi hộ;

Mức thu như sau;

1. Nhà trẻ (25-36 tháng) 46.000đ/ năm

2. Mẫu giáo (3-5 tuổi) 36.000đ/ năm

3. Nội dung chi: Khăn lau mặt; khăn lau tay; bàn chải đánh răng cho trẻ mẫu giáo; yếm cho trẻ nhà trẻ.

3. Phân bổ chi: Mua sắm trực tiếp vật dụng cho từng trẻ: 100%.

* Lưu ý:

- Chi phải có hóa đơn, chứng từ.



- Vật dụng được phát trực tiếp cho trẻ (thông qua GVCN), có danh sách nhận.

* Lưu ý:

Phải có hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định.

Mục 4. Chi suất ăn : Thu đủ- chi đủ

Khoản thu này được thực hiện theo thỏa thuận giữa nhà trường và cha mẹ trẻ, đây là khoản thu hộ - chi hộ, nhà trường thu chi theo đúng mức thỏa thuận và chi toàn bộ thực phẩm phục vụ bữa ăn cho trẻ, không sử dụng cho mục đích khác, chứng từ mua thực phẩm, vật tư nhiên liệu tất cả đều có hóa đơn chứng từ lưu giữ tại bộ phận kế toán – sẵn sàng cung cấp khi cần đối chiếu.

1. Mức thu: 40.000đ/trẻ/ngày đối với tháng 9/2025

2. Nội dung chi:

- Tiền suất ăn sáng: 12.000đ/trẻ/ngày :

+ Bữa ăn sáng: Cháo, bún, phở, hủ tiếu,.. (Gạo, thịt, cá, rau củ, sữa và thực phẩm khác, gia vị, dầu ăn....)

+ Bữa ăn xế sáng: Uống 1 ly sữa 110 ml

- Tiền suất ăn bán trú (trưa, xế, chiều): 28.000 đồng/trẻ/ngày.

+ Bữa ăn trưa: Com, Canh, món mặn, rau luộc, xào, hấp xen kẽ laset (sữa chua xen kẽ flan, rau câu,...) Thực đơn thay đổi phong phú mỗi ngày

+ Bữa ăn xế chiều: Xen kẽ trái cây, nước uống, bánh,...

+ Bữa ăn chiều: Com chiên, mì xào, bánh canh, hủ tiếu, bún, phở,...

3. Mức thu: 42.000đ/trẻ/tháng đối với tháng 10/2025 đến tháng 5/2026.

4. Nội dung chi:

- Tiền suất ăn sáng: 13.000đ/trẻ/ngày :

+ Chi tiền gas nhiên liệu đun nấu

+ Chi tiền bữa ăn sáng: Cháo, bún, phở, hủ tiếu... (Gạo, thịt, cá, rau củ, sữa và thực phẩm khác, gia vị, dầu ăn....)

- Tiền suất ăn bán trú (trưa, xế, chiều): 29.000 đồng/trẻ/ngày.

+ Chi tiền gas nhiên liệu đun nấu.

+ Chi tiền bữa ăn bán trú: Gạo, thịt, cá, rau củ, gia vị, dầu ăn....

+ Bữa ăn xế chiều: Xen kẽ trái cây, nước uống, sinh tố, bánh plan, yourt, bánh,...

+ Bữa ăn chiều: Bò kho, súp cua, mì xào, bánh canh, mì, bún, phở,...

* Lưu ý:

- Thực hiện công khai chợ hằng ngày trên bảng thông báo của nhà trường.

- Tháng 9/2025: Trong tháng một số trẻ nghỉ học theo ngày nghỉ thực tế của từng trẻ. Nhà trường thực hiện hoàn trả tiền ăn cho phụ huynh bằng tiền mặt theo đúng số ngày trẻ nghỉ, việc hoàn trả được thực hiện công khai, minh bạch , có ký nhận của phụ huynh mức chi trả thực hiện theo đơn giá tiền ăn đã ban



hành trong tháng 9 là 40.000đ/trẻ/ngày (Do tháng 10 mức thu được điều chỉnh từ phần thu dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú 2.000đ/ ngày/ trẻ sang mức thu tiền ăn tổng thu 42.000đ/ngày/trẻ nhằm đảm bảo chi phí gas phục vụ nấu ăn hàng ngày đã được phê duyệt theo kế hoạch thu chi năm học.

- Từ tháng 10/2025: Đối với những ngày trẻ nghỉ học có báo cáo nghỉ theo quy định nhà trường sẽ thực hiện không thu tiền ăn của ngày nghỉ, số tiền tương ứng với ngày trẻ nghỉ sẽ được cân trừ vào tháng kế tiếp, việc cân trừ thực hiện liên tục các tháng trong năm học để đảm bảo thuận tiện cho phụ huynh và thuận lợi trong công tác thu – chi. Đến cuối năm học kế toán tiến hành đối chiếu số ngày nghỉ còn dư chưa được cân trừ, quyết toán và trả lại tiền mặt cho phụ huynh số tiền còn dư. Việc hoàn trả được thực hiện minh bạch, công khai đầy đủ chứng từ và có ký nhận của phụ huynh.

Mục 5. Chi nước uống: Thu đủ - chi đủ (nếu có): không thu học kỳ I (tháng 9/2025- tháng 12/2025)

Tiền nước uống của trẻ là khoản thu hộ - chi hộ phục vụ trực tiếp cho trẻ.

1. Mức thu: 15.000 đồng/trẻ/tháng.
2. Nội dung chi: Mua nước uống tinh khiết bình 20l.

* Lưu ý: Hóa đơn, chứng từ đầy đủ.Đảm bảo chất lượng nước uống theo tiêu chuẩn an toàn vệ sinh.

Điều 8. Chế độ miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập

Đối tượng được hỗ trợ: học sinh mồ côi cả cha lẫn mẹ, học sinh là người khuyết tật, học sinh có cha hoặc mẹ hoặc cả cha mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ

Đối với các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị quyết 18/2025/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2025: nhà trường thực hiện miễn giảm như sau:

+ Miễn giảm dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú: 207.000đ/ tháng/ trẻ (miễn giảm 9 tháng trong năm học)

+ Miễn giảm dịch vụ phục vụ ăn sáng: 172.000đ/ tháng/ trẻ (miễn giảm 9 tháng trong năm học)

+ Miễn giảm học ngoại khóa Anh văn, thể dục nhịp điệu : 370.000đ/ tháng/ trẻ (Miễn 9 tháng trong năm học)

Hồ sơ gồm:

- + Mẫu đơn theo Phụ lục II Nghị định 238/2025/NĐ-CP
- + Bản sao chứng thực Giấy xác nhận mồ côi cả cha lẫn mẹ do Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh cấp áp dụng đối với học sinh mồ côi cả cha lẫn mẹ.

+ Bản sao chứng thực giấy xác nhận khuyết tật hoặc Quyết định về trợ cấp xã hội do Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh cấp áp dụng đối với học sinh là người khuyết tật.

+ Bản chính Giấy chứng nhận hộ nghèo của từng học kỳ do Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh cấp áp dụng đối với học sinh có cha hoặc mẹ hoặc cả cha mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

Chương III: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm thực hiện

5. Kế toán: Theo dõi, tham mưu Hiệu trưởng kịp thời, quyết toán, báo cáo định kỳ.
6. Tổ trưởng chuyên môn: Phối hợp giám sát, tổng hợp phản hồi.
7. Các giáo viên, nhân viên: Thực hiện theo phân công.
8. Các khoản tiền thu trong năm học là khoản thu được nhà trường thống nhất với phụ huynh thông qua họp phụ huynh đầu năm, biên bản thỏa thuận, kế hoạch thu – chi của nhà trường.

Điều 10. Công khai tài chính

9. Công khai trước Hội đồng trường, Ban đại diện cha mẹ học sinh.
10. Niêm yết công khai tại bảng tin nhà trường.

Nơi nhận

- Phòng VH-XH phường Bình Dương;
- Phòng Kinh tế- Hạ tầng;
- Hội đồng trường;
- BDD cha mẹ trẻ;
- Lưu: VT

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Tuyết Mai